

THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI HƯỚNG TỚI HỘI NHẬP

Nguyễn Ngọc Lan

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Giáo dục và đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu. Các trường đại học luôn chú trọng, quan tâm đến nâng cao chất lượng đào tạo và xác định đó là nhu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Những năm qua, trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã và đang quan tâm, chú trọng đến hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó có hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Để nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên nói riêng đòi hỏi các thầy cô phải có định hướng đúng đắn, truyền tải được niềm đam mê và sự khám phá cho sinh viên. Bài viết tập trung phân tích lợi ích và mục đích của hoạt động nghiên cứu khoa học; đánh giá nguyên nhân khách quan và chủ quan trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp tiêu chí và đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và quốc tế.

Từ khóa: Nghiên cứu khoa học, sinh viên, thúc đẩy, hội nhập.

Nhận bài ngày 5.3.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 22.4.2021

Liên hệ tác giả: Nguyễn Ngọc Lan; Email: nnlan@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Nghiên cứu khoa học (NCKH) sinh viên (SV) là hoạt động quan trọng và cần thiết của công tác đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới, hội nhập về giáo dục và đào tạo, xây dựng và phát triển phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên trường Đại học Thủ đô Hà Nội là một yêu cầu bức thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao tính tự chủ sáng tạo và năng động, một tố chất rất cần thiết nhưng lại rất hạn chế trong trình độ sinh viên Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu khoa học từ SV trong các trường đại học (ĐH) hiện nay có thể nói là một chủ đề mang tính tiềm năng nhưng còn nhiều điều hạn chế. Tính tiềm năng ở chỗ SV là một lực lượng trẻ, đầy nhiệt huyết, dám nghĩ dám làm, có thời gian và trí sáng tạo không ngừng được phát triển dưới mái trường ĐH. Vấn đề còn hạn chế ở đây là do SV chưa nhận thức được những lợi ích từ NCKH mà SV đạt được khi phải chi phí bằng những tiềm năng nói trên để lao vào nghiên cứu trong

thời đại bùng nổ thông tin hiện nay. Gần đây đại diện Vụ Khoa học Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thừa nhận tỷ lệ sinh viên NCKH vẫn còn thấp, chất lượng nhiều đề tài chưa cao, chưa bám sát yêu cầu của đời sống. Nguyên nhân mấu chốt của vấn đề này là do kinh phí hỗ trợ cho SV nghiên cứu khoa học còn thấp, nhiều trường thiếu trang thiết bị, cơ sở vật chất, thiếu cán bộ hướng dẫn, chưa có chính sách động viên và khuyến khích thầy cô đóng góp tích cực cho nghiên cứu khoa học.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số khái niệm liên quan

Theo Từ điển Bách khoa toàn thư thì khoa học (*science*) là toàn bộ hoạt động có hệ thống nhằm xây dựng và tổ chức kiến thức dưới hình thức những lời giải thích và tiên đoán có thể kiểm tra được về vũ trụ. Thông qua các phương pháp kiểm soát, nhà khoa học sử dụng các quan sát, các dấu hiệu biểu hiện mang tính vật chất và bất thường của tự nhiên nhằm thu thập thông tin, rồi sắp xếp các thông tin đó thành dữ liệu để phân tích nhằm giải thích cách thức hoạt động, tồn tại của sự vật hiện tượng. Còn theo Từ điển Giáo dục học thì: “Khoa học là lĩnh vực hoạt động của con người nhằm tạo ra và hệ thống hóa những tri thức khách quan về thực tiễn, là một trong những hình thái ý thức xã hội bao gồm cả hoạt động để thu hái kiến thức mới lẫn cả kết quả của hoạt động ấy, tức là toàn bộ những tri thức khách quan làm nên nền tảng của một bức tranh về thế giới”. Theo **Luật Khoa học và Công nghệ** thì khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy. Theo **Earl R. Babbie** (1986), nghiên cứu khoa học (*scientific research*) là cách thức mà con người tìm hiểu các hiện tượng khoa học một cách có hệ thống; và là quá trình áp dụng các ý tưởng, nguyên lý để tìm ra các kiến thức mới nhằm giải thích các sự vật hiện tượng. Còn theo **Armstrong và Sperry** (1994), nghiên cứu khoa học dựa vào việc ứng dụng các phương pháp khoa học để phát hiện ra những cái mới về bản chất sự vật, về thế giới tự nhiên - xã hội và để sáng tạo phương pháp và phương tiện kỹ thuật mới cao hơn, giá trị hơn [7, tr.179]. Như vậy có thể khái quát khái niệm nghiên cứu khoa học như sau: Nghiên cứu khoa học là hoạt động tìm kiếm, xem xét, điều tra hoặc thử nghiệm. Dựa trên những số liệu, tài liệu, kiến thức,... đạt được từ các thí nghiệm NCKH để phát hiện ra những cái mới về bản chất sự vật, về thế giới tự nhiên - xã hội và để sáng tạo phương pháp và phương tiện kỹ thuật mới cao hơn, giá trị hơn. Trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay, khoa học đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tạo ra cơ sở vật chất của xã hội, hoàn thiện các quan hệ xã hội và hình thành con người mới. Có thể nói, NCKH có mục tiêu chủ yếu là tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi đặt ra, nói cách khác là tìm kiếm kiến thức và sự hiểu biết. Tuy nhiên, nếu ta có thể chia sẻ, phổ biến thông tin, kiến thức mà ta có được thông qua nghiên cứu sẽ có hiệu quả cao hơn rất nhiều. Nói cách khác, bản chất của nghiên cứu khoa học là một quá trình vận dụng các ý tưởng, nguyên lý và phương pháp khoa học để tìm ra các kiến thức mới nhằm mô tả, giải thích hay dự báo các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Nghiên cứu có nghĩa là trả lời những câu hỏi mang tính học thuật hoặc thực tiễn; làm hoàn thiện và phong phú thêm các tri thức khoa học; đưa ra các câu trả lời để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Với cách nhìn như vậy, nghiên cứu

khoa học làm thay đổi cách nhìn nhận vấn đề của người đọc, thuyết phục người đọc tin vào bản chất khoa học và kết quả thực nghiệm nhằm đưa người đọc đến quyết định và hành động phù hợp để cải thiện tình hình của các vấn đề đặt ra theo chiều hướng tốt hơn.

Ngày nay mục đích nghiên cứu khoa học của sinh viên dưới mái trường đại học được thực hiện theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường Đại học, học viện và cao đẳng, kèm theo Quyết định này Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 19/2012/TT-BGD&ĐT trong đó xác định mục tiêu của hoạt động NCKH sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập của sinh viên, hình thành năng lực tự học cho sinh viên và góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội.

2.2. Lợi ích của sinh viên nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đã và đang thu hút được số lượng sinh viên tham gia đông đảo bởi một số lí do sau:

Thứ nhất, nâng cao và củng cố kiến thức, đào sâu suy nghĩ. Khi tham gia nghiên cứu khoa học, SV sẽ tập làm quen với một đề tài nghiên cứu quy mô nhỏ, sẽ được tiếp cận với những vấn đề cụ thể, có ý thức đào sâu suy nghĩ, và tập cách tư duy để tự nghiên cứu giải quyết một vấn đề. Trong quá trình thực hiện đề tài SV sẽ nảy sinh ra nhiều hướng giải quyết khác nhau. Từ đó SV rèn luyện tư duy độc lập, biết bảo vệ lập trường khoa học của mình. Một số đề tài khoa học thường do một nhóm từ hai SV trở lên cùng thực hiện và do một SV làm trưởng nhóm vì vậy việc cùng thực hiện một đề tài nghiên cứu cũng giúp SV phát triển các kỹ năng mềm như làm việc theo nhóm với sự chia sẻ ý thức và trách nhiệm, thêm vào đó là kỹ năng tra cứu tư liệu, phương pháp phân tích, tổng hợp.

Thứ hai, phát triển và rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên. Việc thực hiện và bảo vệ một đề tài nghiên cứu khoa học sẽ rèn giũa cho SV kỹ năng diễn đạt, trình bày một vấn đề, kỹ năng thuyết trình, tập cho SV phong thái tự tin khi bảo vệ trước một hội đồng khoa học. Đây cũng là trải nghiệm rất quý báu và thú vị mà không phải bất kỳ SV nào cũng có được trong quãng đời SV của mình.

Thứ ba, tạo điều kiện trong việc nâng cao kết quả học tập. Mỗi SV tham gia viết bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo hay thực hiện đề tài nghiên cứu sẽ được cộng thêm điểm rèn luyện. Đây cũng là cách thức giúp các SV đạt được kết quả học tập cao cuối năm học. Tạo điều kiện cho SV nghiên cứu khoa học là cần thiết đòi hỏi các nhà trường cần nghiên cứu cơ chế chính sách và có biện pháp phù hợp. Có như vậy kết quả học tập của SV cũng được cải thiện đáng kể, chất lượng đào tạo của nhà trường được cải thiện rõ ràng.

Thứ tư, tạo dựng các mối quan hệ xã hội. Quá trình tiếp cận với các thầy cô hướng dẫn sẽ thúc đẩy sự gắn bó hơn trong quan hệ của SV với các thầy cô. Sau quá trình cộng tác SV sẽ học hỏi được rất nhiều từ các thầy cô kiến thức cũng như những kinh nghiệm thực tế. Thiết lập được mối quan hệ xã hội là việc làm cần thiết bởi hơn hết cá thầy/cô là người có

kinh nghiệm trong nghề, có kiến thức hàn lâm và luôn hết lòng hết sức cho sự nghiệp giáo dục. Nên việc tạo dựng mối quan hệ với các thầy/cô giúp các em trưởng thành, tự tin hơn cả về chuyên môn lẫn kinh nghiệm thực tiễn.

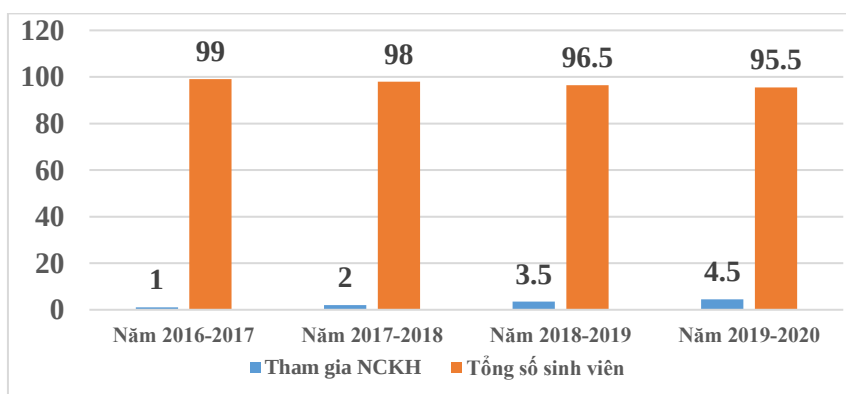
2.3. Thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Thủ đô Hà Nội

2.3.1. Kết quả đạt được

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội hiện có gần 400 cán bộ giảng viên, công nhân viên và hơn 6000 sinh viên. Trường hiện có 8 khoa, gồm: Khoa Giáo dục nghề nghiệp, Khoa Khoa học thể thao và sức khỏe, Khoa Sư phạm, Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Khoa Kinh tế và Đô thị, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Văn hóa – Du lịch, Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ. Nhận thức rõ tầm quan trọng đối với hoạt động NCKH của sinh viên trong các trường đại học và đáp ứng nhu cầu phát triển tính chủ động, sáng tạo, tìm tòi và rèn luyện kỹ năng cho sinh viên, trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã triển khai các hoạt động NCKH cho sinh viên từ rất sớm và cũng đã đạt được một số kết quả tích cực.

Thứ nhất, về số lượng sinh viên tham gia NCKH

Theo Báo cáo về hoạt động NCKH của sinh viên tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội từ năm 2016 đến năm 2020 (khi nhà trường nâng cấp từ trường Cao đẳng lên trường ĐH) cho thấy SV đã bắt đầu có nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động NCKH và đã có sự quan tâm nhất định đến hoạt động này. Thể hiện ở tỷ lệ số sinh viên tham gia NCKH và số bài NCKH được công bố hằng năm đều có sự gia tăng, cụ thể: Năm 2016 chỉ có 30 sinh viên tham gia NCKH với 25 đề tài NCKH so với tổng số 3200 sinh viên của nhà trường. Đây là một con số vô cùng ít ỏi, thể hiện sinh viên còn khá thờ ơ, chưa nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH. Năm học 2017 đến 2018 có 85 sinh viên tham gia NCKH, tăng gấp 2.8 lần năm học 2016- 2017 chiếm 2% trên tổng số sinh viên của nhà trường, có 85 đề tài NCKH đã được công bố; năm học 2018-2019 đã có 97 sinh viên tham gia NCKH với 56 đề tài tăng gấp 1.1 lần so với năm 2017-2018 chiếm 3.5% trên tổng số sinh viên toàn trường. Đặc biệt năm học 2019-2020, trường Đại học Thủ đô Hà Nội có 152 sinh tham gia NCKH với 123 đề tài tăng 1, 6 lần so với năm học 2018-2019 chiếm 4.5% sinh viên toàn trường. Thể hiện qua bảng số liệu sau:

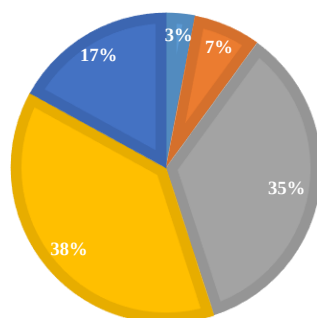


Nguồn: Báo cáo về hoạt động NCKH của sinh viên từ năm 2016-2020

Nhìn chung số lượng sinh viên tham gia NCKH vẫn còn khá ít so với tổng số lượng sinh viên toàn trường nhưng có thể thấy hoạt động này đang có sự phát triển đáng ghi nhận không chỉ về thu hút số lượng SV tham gia mà còn ngày càng nhiều công trình nghiên cứu khoa học có chất lượng và được đánh giá cao. Hoặc khi tiến hành điều tra trên số lượng SV nhà trường thì 65% các em đều khẳng định hoạt động này có ý nghĩa quan trọng, 15% cho rằng là rất quan trọng, tỉ lệ số ít chưa nhận thức đúng và đủ vai trò của hoạt động này tại nhà trường và cho bản thân. Khi tìm hiểu về mức độ quan tâm, yêu thích của sinh viên về công tác nghiên cứu khoa học thì nhiều em rất hứng thú với nhiệm vụ này, trong khi đó vẫn còn một số không hứng thú với nhiệm vụ này, bởi theo các em nhiệm vụ này không gắn liền với nhiệm vụ học tập, và đôi khi kết quả này không được công nhận điểm cho một học phần nào trong các học phần đào tạo. Con số trên được biểu hiện qua bảng số liệu sau khi tiến hành điều tra, thu thập thông tin cho nhiều đối tượng trong nhiều ngành đào tạo khác nhau tại nhà trường. Thể hiện:

BIỂU ĐỒ 2: MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI NCKH

■ Rất không hứng thú ■ Không hứng thú ■ Bình thường ■ Hứng thú ■ Rất hứng thú



Số liệu trên cho thấy mức độ quan tâm của SV đối với hoạt động này còn chưa thật sự cao, vẫn còn một số SV không hứng thú chiếm đến 7%, và chỉ rất ít SV hứng thú với hoạt động này (chiếm 17%).

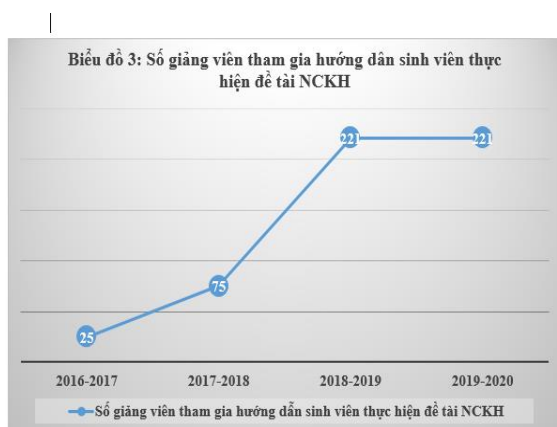
Thứ hai, về chất lượng đề tài NCKH

Quá trình nghiên cứu nhận thấy, năm học 2016-2017, tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội không có đề tài NCKH của sinh viên nào đủ điều kiện tham gia xét giải thưởng cấp cơ sở cũng như đạt giải tại trường, thì đến năm học 2017-2018 có 7 đề tài NCKH của sinh viên được tham gia xét giải thưởng cấp cơ sở và đạt những thành tích đáng ghi nhận (1 giải nhất, 2 giải nhì và 4 giải ba). Đặc biệt, đề tài “*Định hướng ứng dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới vào giáo dục mầm non Việt Nam*” của sinh viên Nguyễn Thị Trang và Thế Thị Ngọc Lan đã được gửi tham gia xét giải thưởng “*Sinh viên nghiên cứu khoa học*” cấp thành phố. Năm học 2018-2019, Trường có 24 đề tài NCKH của sinh viên được tham gia xét giải thưởng cấp cơ sở trong đó có 2 giải nhất, 2 giải nhì, 8 giải ba và 12 giải khuyến

khích. Năm học 2019-2020, Trường có 29 đề tài NCKH được tham gia xét giải thưởng cấp cơ sở trong đó có 1 giải nhất, 3 giải nhì, 5 giải ba và 20 giải khuyến khích. Trong đó có ba đề tài NCKH: “*Một số giải pháp nâng cao chất lượng hướng nghiệp và dạy nghề cho thanh thiếu niên rối loạn phát triển trên địa bàn thành phố Hà Nội*” của sinh viên Hoàng Thị Hiền; đề tài “*Nghiên cứu khai thác giá trị lễ hội Đền Chiêu Trưng (xã Thạch Bàn, huyện Thạch Bàn, tỉnh Hà Tĩnh) để phát triển du lịch địa phương*” của sinh viên Trần Thị Hoài Phương; đề tài “*Bước đầu xây dựng các hoạt động Stem trong dạy hoặc một số chủ đề thuộc môn khoa học tự nhiên ở tiểu học*” của nhóm sinh viên Phạm Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Diệu Linh đã được gửi đi tham gia xét giải thưởng “*Sinh viên nghiên cứu khoa học*”. Đây đều là những đề tài NCKH có phù hợp với chuyên ngành học tập của sinh viên, có tính cần thiết và ứng dụng cao theo yêu cầu của thị trường lao động.

Thứ ba, về số lượng giảng viên tham gia hướng dẫn sinh viên NCKH

Những năm qua hoạt động NCKH của sinh viên còn nhận được rất nhiều sự quan tâm của tập thể cán bộ giảng viên của nhà trường thể hiện qua số lượng giảng viên tham gia hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài NCKH ngày càng tăng: Cụ thể năm học 2016-2017 có 25 giảng viên tham gia; năm học 2017-2018 tăng lên 75 giảng viên tham gia; năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020 số lượng tham gia hướng dẫn tăng vọt thể hiện mỗi năm đều có 221 giảng viên tham gia. Cụ thể:



Nguồn: Báo cáo về hoạt động NCKH của sinh viên từ năm 2016-2020

Qua biểu đồ có thể nhận thấy những năm qua GV nhà trường đã và đang quan tâm và đầu tư đến hoạt NCKH dành cho SV, điều đó chứng tỏ hoạt động này đã và đang được triển khai đúng hướng, sự sát sao của lãnh đạo các đơn vị và sự đồng tâm của toàn bộ cán bộ GV, công nhân viên và SV toàn trường vì mục tiêu xây dựng chất lượng đào tạo, xây dựng thương hiệu trường ĐH Thủ đô Hà Nội.

Thứ tư, về kinh phí dành cho hoạt động NCKH

Con số cho thấy, tổng kinh phí dành cho hoạt động NCKH của sinh viên (triệu đồng) cũng có sự gia tăng đáng kể: Năm học 2018-2019 nhà trường dành 400.000.000 đồng cho hoạt động NCKH của sinh viên thì đến năm 2019-2020 đã tăng lên 477.165.000 đồng. Thể hiện qua biểu đồ sau:

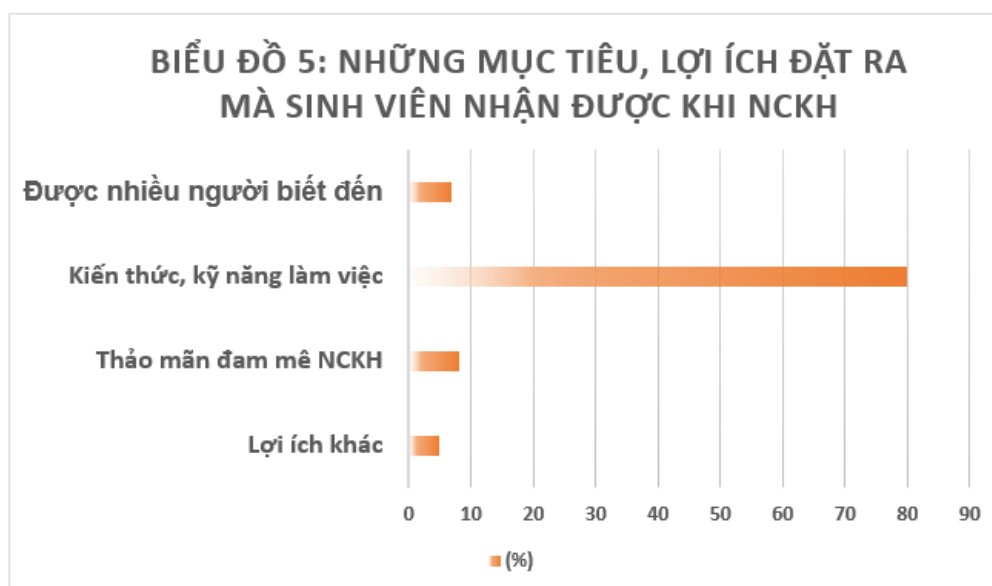
Có thể thấy kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đã và đang có sự đầu tư và gia tăng nhanh chóng. Điều đó khẳng định các em SV, các thầy cô, các phòng ban chức năng đã và đang dành sự quan tâm đặc biệt cho nhiệm vụ này. Bởi vậy hoạt động NCKH cho SV của nhà trường đã được cải thiện không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng của các đề tài.



Nguồn: Báo cáo về hoạt động NCKH của sinh viên từ năm 2016 - 2020

Thứ năm, về xây dựng mục tiêu, lợi ích của công tác NCKH sinh viên

Quá trình điều tra, thu thập thông tin cho thấy việc NCKH giúp sinh viên tăng niềm đam mê với công việc này mà từ trước đến giờ SV chưa được làm quen, trải nghiệm. Trong quá trình nghiên cứu SV được gần gũi với thầy/cô khác hẳn với các giờ giảng trên lớp, được gần gũi với bạn bè, hiểu và chia sẻ trí thức tìm hiểu, thu thập với các bạn trong nhóm.



Mặt khác, quá trình thực hiện nhiệm vụ này các em được nhiều người biết đến mình, được tham gia vào các công việc khoa học, tìm tòi, khám phá những tri thức mới. Nhưng điểm lớn nhất là các em được vận dụng tri thức của bản thân để áp dụng vào những công việc, tình huống thực tế. Từ đó các em nâng cao khả năng làm việc nhóm, tăng kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, mở rộng các mối quan hệ trong lớp, trong khoa và trong toàn trường. Những lợi ích này được ghi nhận cụ thể qua kết quả điều tra hơn 100 sinh viên các ngành đào tạo trong toàn trường, cụ thể:

2.3.2. Một số tồn tại, hạn chế

Những năm gần đây hoạt động NCKH của SV dần dần đi vào nề nếp với nhiều công trình có ý nghĩa cả về lý luận lẫn thực tiễn. Hàng năm các khoa đều tổ chức các đợt Hội thảo sinh viên nghiên cứu khoa học và thu hút được một số lượng SV tham gia đáng kể. Tuy nhiên trong vài năm gần đây chất lượng và khả năng ứng dụng của các đề tài do SV thực hiện không cao, không có ý nghĩa thực tiễn hoặc như số lượng SV nghiên cứu khoa học chưa thật nhiều. Thực trạng này do một vài khó khăn sau:

Thứ nhất, các ý tưởng cho đề tài nghiên cứu khoa học SV không biết tìm ở đâu. Muốn thực hiện nghiên cứu một đề tài bản thân SV không biết tìm nó ở đâu, tìm nó thế nào, bắt đầu đi từ chỗ nào, đi cùng ai. Và hàng loạt các câu hỏi khác nữa. Tuy nhiên điều quan trọng là SV phải có ý tưởng, khi có ý tưởng các em có thể quên ngay. Nếu như không có ý tưởng thì các em sẽ tìm nó ở đâu, hoặc nếu như tìm được rồi thì nên bắt đầu như thế nào. Khi tìm hiểu thì vấn đề nào là vấn đề mới trong khi các em bắt đầu mới làm quen lĩnh vực này. Hoặc như khi đã tìm thấy tài liệu rồi thì đặt tên đề tài như thế nào cho phù hợp, chính xác và có ý nghĩa về học thuật.

Thứ hai, các yếu tố nào làm nên thành công của một công trình NCKH sinh viên. Tất nhiên yếu tố quan trọng nhất chính là con người. Để có thể theo đuổi và thành công với một đề tài NCKH, trước tiên SV cần tìm kiếm và lựa chọn cho mình "người đồng hành tin cậy". Các thành viên trong nhóm NCKH phải là những bạn chăm chỉ, làm việc có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc và tốt nhất đã từng làm việc chung với nhau để có thể đảm bảo sự phối hợp ăn ý và kết quả tối ưu nhất. Bên cạnh đó, việc lựa chọn giảng viên hướng dẫn tâm huyết, nhiệt tình, có kiến thức sâu trong lĩnh vực mình định nghiên cứu và có nhiều kinh nghiệm NCKH sẽ giúp ích rất nhiều cho nhóm, vì thầy/cô sẽ là người định hướng, chỉ đường và giải đáp các thắc mắc trong quá trình nhóm thực hiện đề tài NCKH.

Thứ ba, không tìm được tính mới của đề tài đáp ứng các tiêu chí yêu cầu của nhóm nghiên cứu. Khi SV đã tìm ra đề tài nghiên cứu và bắt đầu nghiên cứu thì SV càng làm càng không thấy khả thi. Hầu hết các nhóm nghiên cứu đều rơi vào trường hợp này là do không tìm được phương pháp nghiên cứu phù hợp, không tìm được tài liệu, dữ liệu để chạy mô hình; không có khả năng thực hiện được nghiên cứu vì nó quá tầm hoặc không có nhiều ý nghĩa để nghiên cứu. Hoặc như một trong các tiêu chí của các nhóm nghiên cứu là đề tài phải có tính mới, có tính thực tiễn, kết quả nghiên cứu phải có đóng góp thực sự, không bị trùng lặp cách tiếp cận vấn đề với các nhóm SV khác. Trong trường hợp này việc phải mất nhiều

thời gian để tìm ra công trình nghiên cứu chắc chắn xảy ra. Việc tìm được ý tưởng mới đòi hỏi nhóm nghiên cứu phải dành nhiều thời gian cho nó.

Thứ tư, sự hỗ trợ của Nhà trường, Khoa về kinh phí cho mỗi đề tài nghiên cứu khoa học còn quá ít. Theo quy chế về nghiên cứu khoa học hiện hành tại nhà trường thì mỗi đề tài nghiên cứu chỉ có 2.000.000 đồng/đề tài, trong khi đề tài được thực hiện kéo dài trong một năm bởi một nhóm đề tài từ hai cho đến nhiều người. Trong khi đề tài cần phải đáp ứng rất nhiều các tiêu chí và phải thực hiện các thủ tục hành chính giống như những đề tài có kinh phí cao hơn. Thiết nghĩ đó thật sự là quá khó để SV mạnh dạn, quyết tâm theo đuổi ước mơ, hoài bão làm NCKH.

Thứ năm, nhiều sinh viên chưa nhận thức được lợi ích và mục đích của nghiên cứu khoa học, một bộ phận sinh viên còn thụ động trong học tập và nghiên cứu. Hầu hết SV nhà trường chưa nhận thức đầy đủ lợi ích của việc thực hiện một đề tài NCKH và bản thân các em tự nhận thức được sự phức tạp khi tiến hành hoạt động này, hoặc như chưa tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện đề khơi gợi, thúc đẩy, truyền lửa cho SV để các em sẵn sàng tiến hành tham gia hoạt động khoa học có ý nghĩa này.

Thứ sáu, số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học mỗi khoa bị hạn chế về số lượng. Bởi số kinh phí dành cho NCKH được phân bổ theo từng đơn vị căn cứ vào chỉ số khoa học hàng năm của đơn vị. Trong khi số lượng GV khá đông, bản thân các GV cũng phải hoàn thành định mức giờ NCKH của mình nên việc phân bổ kinh phí cho SV để thực hiện hoạt động này rất ít. Bởi vậy, hàng năm số lượng sinh viên nghiên cứu khoa học không nhiều trong khi các em cảm thấy thật sự là quá khó để bắt tay vào một hoạt động đòi hỏi tính mới, tính sáng tạo và tính học thuật cao như vậy.

Thứ bảy, công tác khen thưởng, động viên khuyến khích chưa thật sự thu hút được các em tham gia. Thực tế ngân sách khen thưởng của nhà trường có hạn trong khi để làm được một công trình NCKH thật sự có ý nghĩa thì các em phải mất rất nhiều công sức, thời gian và nhiều tổ khác nữa. Hoặc như cơ chế động viên cũng chưa thật sự kịp thời đôi khi nhiều nhóm nghiên cứu phải bỏ dở giữa chừng.

2.4. Một số đề xuất nhằm thúc đẩy hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội hướng tới hội nhập

Nghiên cứu khoa học là một công việc không hề dễ dàng, nhất là đối với SV hiện nay khi xung quanh các em còn đang có nhiều mối quan tâm. Nhưng với kiến thức sâu sắc và niềm đam mê cộng với một môi trường học tập và nghiên cứu thuận lợi, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng nghiên cứu khoa học trong sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sẽ gặt hái những kết quả tốt đẹp. Sau đây là một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của sinh viên nhà trường, cụ thể:

Thứ nhất, về phía nhà trường

Tăng kinh phí cho mỗi đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kinh phí hỗ trợ cho mỗi đề tài tham gia nghiên cứu như hiện nay là quá ít ỏi trong khi có những đề tài số lượng thành viên khá đông thì kinh phí đó lại càng ít. Mặt khác, cần dành riêng một khoản kinh phí

trong nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học của toàn trường dành cho SV, nhóm SV nghiên cứu khoa học. Đồng thời, các thủ tục hành chính khi thực hiện thanh quyết toán cũng cần đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo đúng quy định. Hoặc như để thực hiện đề tài nhà trường cần ban hành quy trình và các mẫu mã thực hiện để SV có thể bám vào đó để tiến hành sao cho nhanh và thuận lợi nhất. Cần xây dựng quy chế khen thưởng cho hoạt động SV NCKH, đây là hoạt động rất có ý nghĩa đòi hỏi nhà trường cần có lộ trình sớm nhất chỉnh sửa, bổ sung quy định này. Việc có cơ chế phù hợp nhằm khích lệ, động viên kịp thời SV, từ đó thúc đẩy các em đam mê với khoa học, đầu tư nhiều công sức cho hoạt động khoa học. Có như vậy chất lượng đề tài NCKH được cải thiện hơn, số lượng đề tài NCKH ngày một tăng dần theo từng năm và ngày càng nhiều hơn số sinh viên đam mê nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, về phía giảng viên

Các thầy/cô phải là người đồng hành cùng các em trong hành trình NCKH. GV có thể tìm và giao đề tài mới, có tính mới và tính ứng dụng cho sinh viên, gây dựng trong các em niềm đam mê nghiên cứu. GV phải phân tích cho SV thấy được lợi ích từ nghiên cứu khoa học, gắn quá trình học và quá trình nghiên cứu song song đồng thời trong quá trình các em học tập tại trường. Trong quá trình nghiên cứu GV cần bám sát lộ trình thực hiện, kiểm tra, giám sát các công việc của từng thành viên trong nhóm nghiên cứu. Hơn nữa cần động viên, khích lệ kịp thời tránh để các em thấy nhàm chán, nản chí. Thậm chí GV phải khơi gợi cho SV ý tưởng sáng tạo, tìm kiếm những điểm mới, điểm đột phá và khuyến khích các em mạnh dạn nêu ý tưởng.

Trong những giờ lên lớp hay ngoại khóa GV cần truyền đạt cho các em về mục đích cũng như tác dụng của hoạt động NCKH, từ đó khơi gợi niềm đam mê NCKH, hết lòng hết sức cống hiến cho nghiên cứu. Việc thúc đẩy hoạt động này nhằm giúp SV nhà trường thỏa sức sáng tạo, thỏa sức nêu ý tưởng và mục tiêu, từ đó xác định hướng đi và hành động đúng đắn trong hoạt động này.

Thứ ba, về phía sinh viên

Hoạt động NCKH trong SV là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo tại nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao khả năng thích ứng với môi trường và xã hội. Bởi vậy bản thân mỗi SV cần nâng cao ý thức về hoạt động này và xác định đây là nhiệm vụ, là trách nhiệm của bản thân trong quá trình trau dồi tri thức khoa học. Để làm được điều đó SV hãy tự tin, sáng tạo, phát huy hết khả năng tư duy, học hỏi kiến thức từ thầy/cô, sách vở, từ website,... để trang bị cho chính mình hành trang tri thức tốt nhất. Nguồn tài liệu nghiên cứu cũng là công cụ tốt nhất để SV tiếp nhận tri thức khoa học, bởi vậy việc tìm kiếm đúng nguồn tài liệu, việc đầu tư thời gian, công sức trong quá trình tìm kiếm tài liệu là vô cùng quan trọng. Ngày nay công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng nên các em có nhiều kênh để tra cứu tài liệu. SV có thể tham khảo một số các dạng tài liệu sau để phục vụ cho hoạt động NCKH này. Cụ thể như sau:

Đối với tài liệu nghiên cứu Tiếng Việt: Các em có thể tra cứu trên một số các kênh như:
1/Tạp chí khoa học Việt Nam trực tuyến (*Vietnam Journals Online*). Tài liệu này cho

phép đọc giả tiếp cận trí thức khoa học được xuất bản tại Việt Nam và nâng cao hiểu biết của thế giới về nền học thuật của Việt Nam. Tạp chí là một cơ sở dữ liệu các tạp chí khoa học Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực khoa học.

2/ Thư viện học liệu mở Việt Nam. Đây là chương trình tài nguyên giáo dục mở Việt Nam (*Vietnam Open Educational Resources – VOER*), hỗ trợ bởi quỹ Việt Nam có mục tiêu xây dựng kho Tài nguyên giáo dục mở của người Việt và cho người Việt, có nội dung phong phú, có thể sử dụng, tái sử dụng và truy nhập miễn phí trong môi trường giảng dạy, học tập và nghiên cứu. 3/Trung tâm dữ liệu Đại học Quốc gia Hà Nội. Trang web này tổng hợp các Kỷ yếu Hội thảo, hội nghị, luận văn, luận án, tạp chí khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội. 4/Bộ sưu tập tài nguyên số của trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN. Bộ sưu tập này được phát triển từ phần mềm mã nguồn mở Dspace dùng để lưu trữ, xử lý, tìm kiếm mọi tài liệu điện tử như sách, giáo trình, luận văn, luận án, đề tài khoa học của cán bộ, sinh viên nhà trường. 5/Thư viện điện tử quốc gia. Đây là thư viện cấp quốc gia và là thư viện có nguồn tài liệu phong phú nhất.

3. KẾT LUẬN

NCKH có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Bất cứ một trường ĐH nào nhiệm vụ đào tạo và NCKH là những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và quan trọng nhất. Nhận thức được điều này trong những năm qua trường ĐH Thủ đô Hà Nội đã dành nhiều sự quan tâm và đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học của nhà trường nói chung và công tác NCKH cho sinh viên nói riêng. Hoạt động NCKH của SV nhà trường đã diễn ra với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, có tính thực tiễn cao và ngày càng thu hút được nhiều SV tham gia từ đó nâng cao chất lượng dạy và học tại nhà trường. Những năm qua nhà trường đã không ngừng nỗ lực và đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong hoạt động này, tuy nhiên không tránh khỏi còn tồn tại, hạn chế và cần có những giải pháp phù hợp.

Thúc đẩy, phát triển hoạt động NCKH của sinh viên giúp các em không chỉ có khả năng tư duy khoa học về nghiên cứu mà còn củng cố kiến thức, biết vận dụng phương pháp luận và phương pháp NCKH; phát triển khả năng sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng mềm cho các em. Thông qua NCKH giúp SV nhà trường gây dựng ước mơ, hoài bão để các em trở thành những cán bộ khoa học trẻ, tạo môi trường học tập, nghiên cứu lành mạnh, góp phần định hướng cho tương lai cuộc sống của SV. Để thúc đẩy được hoạt động này trong SV nhà trường đã và đang chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện quy định về hoạt động NCKH để từ đó khuyến khích, hỗ trợ, khích lệ SV trong NCKH, có cơ chế phù hợp và tạo các ý tưởng mới, sáng tạo cho các em. Đồng thời khích lệ, tạo điều kiện cho các em đam mê với lĩnh vực này góp phần khẳng định thương hiệu đào tạo của nhà trường đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng và hướng tới hội nhập khu vực, quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Hiền (2001), *Từ điển Giáo dục học*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
2. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2011), *Từ điển Bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

3. Quốc hội 13 (2013), Luật Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2013.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), Quyết định số 08/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/3/2000 ban hành Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường Đại học, Học viện và Cao đẳng.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 19/2012/TT-BGD&ĐT của ban hành ngày 01 tháng 6 năm 2012, Hà Nội.
6. Earl R. Babbie (1986), *The Practice of Social Research*, Wadsworth Publishing Company.
7. Armstrong và Sperry (1994), *Ensuring Research Integrity and the Ethical Management of Data*, Cees Th.Smit Sibinga University of Groningen, The Netherlands.

PROMOTING STUDENTS ACTIVITIES IN SCIENTIFIC RESEARCH TOWARDS INTEGRATION AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

Abstracts: Education and training are considered as the top national policy. Universities always pay attention and care to improve the quality of training and identify that it is as an urgent need in the current period. Over the past years, Hanoi Metropolitan University has been paid more attention to scientific research activities, including scientific research for students. To improve the quality of education in general, the quality of scientific research activities for students in particular requires teachers to have the right orientation, the ability to convey passion and discovery to students. The article focuses on analyzing the benefits and purposes of scientific research activities, assessing objective and subjective causes in scientific research activities of students. Accordingly, the article also proposes some solutions to improve the quality and quantity of scientific research activities at school to meet the output standards of the training program, the criteria and needs of region and national integration.

Keywords: Scientific research, student, promotion, integration.